



Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **09** /2026/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày **27** tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026 và thay thế Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Hội đồng TĐKTTW (b/c);
- Ban TĐKT Trung ương (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh truyền hình Điện Biên;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **09** /2026/QĐ-UBND)



Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 và cụ thể điểm b, c, đ, e, g, h khoản 2, Điều 6 của Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật số 06/2022/QH15; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg ngày 01/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức khác được thành lập và hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Điện Biên (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương); cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và các hoạt động khác trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Điều 3. Quy định chung về thi đua, khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật số 06/2022/QH15, Điều 4 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV và những nguyên tắc sau:

1. Quan tâm khen thưởng đối với: cá nhân năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập thể nhỏ, người lao động, nhà khoa học, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân, đội ngũ giáo viên, y bác sĩ có thành tích tiêu biểu xuất sắc công tác tại địa bàn biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; cá nhân là người đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế có ý chí tự lực tự cường vươn lên; các doanh nghiệp, doanh nhân sản xuất, kinh doanh giỏi, làm tốt công tác giải quyết việc làm, tạo sinh kế cho người lao động, người dân, tích cực tham gia hoạt động từ thiện; các cá nhân, tập thể người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh.

2. Đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể (bao gồm tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể sinh hoạt ghép), chỉ xét khen thưởng tập thể có kết quả đánh giá tổ chức Đảng, đoàn thể có kết quả đánh giá mức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

3. Khi đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân là người đứng đầu các tổ chức kinh tế, đơn vị sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, thực hiện các quy định về môi trường phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền về việc thực hiện các nội dung trên trong khoảng thời gian báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát động phong trào thi đua tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định; gửi Kế hoạch tổ chức phát động về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện khen thưởng và đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo Quy định này và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh không xét, trình đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đối với các đối tượng thuộc cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật số 06/2022/QH15 và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh;

b) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật số 06/2022/QH15 và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lao động, sản xuất đạt hiệu quả;
- b) Có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;
- c) Có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Điều 5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật số 06/2022/QH15.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

- a) Cấp tỉnh: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- b) Cấp xã: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc cấp xã;
- c) Các phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng và tương đương thuộc Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật số 06/2022/QH15.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

- a) Cấp tỉnh: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- b) Cấp xã: Các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc cấp xã;
- c) Khoa, phòng và tương đương thuộc các trường chuyên nghiệp của tỉnh, trường chuyên nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Khoa, phòng và tương đương thuộc các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế;
- d) Phòng, ban, phân xưởng và tương đương thuộc doanh nghiệp có cổ phần vốn nhà nước tham gia cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc tổng công ty, tập đoàn).

Điều 7. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hằng năm cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật số 06/2022/QH15 và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

b) Tích cực tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế của cụm, khối thi đua; được cụm, khối thi đua bình xét, lựa chọn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua theo hướng dẫn khen thưởng đối với từng phong trào do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;
- c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật của tỉnh;
- d) Có thành tích đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo trên địa bàn tỉnh bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên hoặc vận động quyên góp giá trị từ 200 triệu đồng trở lên (thành tích được cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm);
- đ) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong những tiêu chuẩn sau:

a) Nông dân lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên mang lại lợi nhuận từ 150 triệu đồng/năm trở lên, giúp đỡ được ít nhất 02 hộ nông dân khác phát triển kinh tế hoặc tạo việc làm có thu nhập ổn định cho 02 lao động trở lên;

b) Công nhân làm việc trong các doanh nghiệp, thành viên hợp tác xã có 02

năm liên tiếp lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất và trong thời gian đó có ít nhất 01 sáng kiến, giải pháp mang lại lợi ích, có phạm vi ảnh hưởng trong doanh nghiệp, hợp tác xã và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Người lao động có 02 năm liên tiếp lập được nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác, được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương ghi nhận hoặc có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;

d) Có thành tích đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo trên địa bàn tỉnh bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên hoặc vận động quyên góp giá trị từ 500 triệu đồng trở lên (thành tích được cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm và không bao gồm nguồn huy động đóng góp, ủng hộ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương);

đ) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số;

e) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc được bình xét, đề xuất trong cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của địa phương được tỉnh công nhận.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị 100 triệu đồng trở lên.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trên toàn ngành, lĩnh vực, địa phương;

b) Tập thể, cá nhân đạt giải tại cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng do Bộ, ban, ngành Trung ương, tỉnh quyết định cử tham gia cấp quốc tế đạt một trong các giải nhất, nhì, ba, khuyến khích và tương đương; cấp quốc gia đạt giải nhất, nhì, ba hoặc tương đương; cấp khu vực đạt giải nhất, nhì và tương đương (trừ trường hợp đã được bộ, ngành trung ương khen thưởng); cấp tỉnh đạt giải nhất và tương đương (có Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc kế hoạch của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền);

c) Cá nhân có thành tích huấn luyện, hướng dẫn, bồi dưỡng cho vận động viên, học sinh, sinh viên đạt giải trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng do Bộ, ban, ngành Trung ương, tỉnh quyết định cử tham gia, đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích hoặc tương đương cấp quốc tế; giải nhất, nhì, ba và tương đương cấp quốc gia; giải nhất, nhì và tương đương cấp khu vực; cấp tỉnh đạt giải nhất và tương đương, có số lượng từ 05 giải trở lên (trừ các trường hợp đã được bộ, ngành trung ương khen thưởng). Trường hợp có từ 02 người trở lên tham gia huấn luyện, hướng dẫn, bồi dưỡng trong cùng bộ môn hoặc cùng nội dung tính thành tích cho người có thời gian huấn luyện, hướng dẫn, bồi dưỡng nhiều hơn.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (năm tròn là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “0”) cho tập thể, cá nhân (đang công tác và có thời gian ít nhất 05 năm trở lên công tác trong ngành, lĩnh vực, địa phương tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng), gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, có đóng góp tích cực cho sự phát triển của tỉnh, cụ thể:

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội; các hội đặc thù, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên dưới 100 người không quá 01 tập thể, 02 cá nhân; từ 100 đến dưới 500 người không quá 02 tập thể, 03 cá nhân; từ 500 người trở lên không quá 03 tập thể, 05 cá nhân;

b) Các xã, phường không quá 02 tập thể, 03 cá nhân; Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh không quá 02 tập thể, 05 cá nhân;

c) Doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp Trung ương, cơ quan ngành dọc, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không quá 01 tập thể, 02 cá nhân;

d) Đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đoàn thể tỉnh, lực lượng vũ trang nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, không quá 01 tập thể, 01 cá nhân;

đ) Các trường hợp khác được xét, tặng Bằng khen khi có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc khi tổ chức Đại hội, tổng kết nhiệm kỳ khi có chủ

trương của Tỉnh ủy và ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen tối đa cho không quá 02 tập thể, 05 cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua theo chuyên đề do cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tổ chức có thời gian thực hiện ít nhất 06 tháng trở lên. Trường hợp phong trào thi đua có thời gian thực hiện dài, phạm vi ảnh hưởng, đối tượng rộng, sức lan tỏa lớn được xem xét khen thưởng vượt quá số lượng khi có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh. Tiền thưởng có thể được quy đổi bằng tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương ứng mức tiền thưởng.

11. Các trường hợp khác, giao Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 9. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- c) Có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành hoặc phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên hoặc vận động quyên góp giá trị từ 100 triệu đồng trở lên (thành tích được cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm) được cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ghi nhận;
- d) Có thành tích tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong những tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- c) Lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng

trong địa bàn cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố, phân xưởng, tổ, đội; tích cực tham gia công tác xã hội hoặc giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao tay nghề;

d) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, tích cực học hỏi, tham gia giúp đỡ chia sẻ kinh nghiệm với các hộ nông dân khác hoặc tạo công việc và thu nhập ổn định cho 01 lao động trở lên.

3. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

c) Có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành hoặc phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên hoặc vận động quyên góp giá trị từ 200 triệu đồng trở lên (thành tích được cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm, không bao gồm nguồn huy động đóng góp, ủng hộ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương) được cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ghi nhận.

d) Được cấp có thẩm quyền xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 30 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng (thành tích được cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

5. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho tập thể, cá nhân trực tiếp huấn luyện, bồi dưỡng hoặc tham gia đạt thành tích cao tại các hội thi, hội thao, hội diễn, giải thưởng cấp tỉnh, khu vực, quốc gia, quốc tế (trừ đối tượng tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Tiêu chuẩn cụ thể do cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quy định.

6. Các trường hợp khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi, quyền hạn của mình, căn cứ vào tình hình thực tế để quy định cụ thể tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương IV

HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG, HỦY BỎ DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 10. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và những nội dung sau:

1. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định tại các khoản 3,4,5,6,7,8,9 Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền theo cho ý kiến bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 33, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ của tỉnh.

Công khai danh sách cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng Huân chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật số 06/2022/QH15 và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Báo và Phát thanh truyền hình Điện Biên, Cổng thông tin điện tử của tỉnh...) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản). Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin truyền thông và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (tại kỳ họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) và được nêu trong Biên bản xét khen thưởng của tỉnh.

2. Phòng Văn hoá - Xã hội các xã, phường, bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Hồ sơ, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

4. Khi họp xét danh hiệu cá nhân được đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu.

Cá nhân được đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

Cá nhân được đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở từ 80% trở lên tính trên

tổng số thành viên của Hội đồng.

Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt lấy ý kiến bằng văn bản và kết quả, tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng theo quy định phải được thể hiện trong Biên bản bình xét thi đua, Biên bản xét khen thưởng.

5. Khi trình hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử của hồ sơ đến Sở Nội vụ qua Phần mềm Quản lý công tác Thi đua - Khen thưởng, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Sở Nội vụ nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

6. Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh 01 bộ bản chính và các tệp tin điện tử của hồ sơ (trừ hồ sơ khen thưởng chứa nội dung bí mật nhà nước).

Điều 11. Lấy ý kiến để khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Lấy ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh đối với cá nhân, tập thể thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; lấy ý kiến của Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong trường hợp đề nghị với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; Cờ thi đua, Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh khen cụm, khối thi đua; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) Trường hợp cần thiết lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan đối với đề nghị khen thưởng cơ quan, tổ chức và người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn các xã, phường về việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước hoặc cơ quan có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung kết quả tham mưu nhiệm vụ chính trị được giao (đối với tập thể), kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với cá nhân) trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời, nội dung được lấy ý kiến. Trường hợp không có văn bản trả lời theo đề nghị, Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Thời gian nhận hồ sơ, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Thời gian Sở Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh:

a) Khen thưởng công trạng

Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức khác: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Các đơn vị thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; trường chuyên nghiệp: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất ngày 31 tháng 7 hằng năm;

b) Khen thưởng phong trào thi đua: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi đến Sở Nội vụ trước ngày dự kiến tổ chức trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc;

c) Khen thưởng đột xuất: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất trong thời gian 03 ngày kể từ ngày lập được thành tích;

d) Khen thưởng cụm, khối thi đua của tỉnh: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ chậm nhất ngày 31 tháng 01 hằng năm. Đối với các đơn vị thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; trường chuyên nghiệp chậm nhất ngày 31 tháng 07 hằng năm.

2. Thời gian Sở Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

a) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi đến Sở Nội vụ trước 15 tháng 9 hằng năm;

b) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất ngày 15 tháng 02 hằng năm. Đối với hệ thống giáo dục quốc dân chậm nhất ngày 15 tháng 9 hằng năm;

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích thi đua chuyên đề thực hiện theo Hướng dẫn sơ kết, tổng kết;

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất trong thời gian 10 ngày kể từ ngày lập được thành tích.

3. Thời gian thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng cấp tỉnh

a) Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, Sở Nội vụ thực hiện thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất);

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời gian 07 ngày làm việc, Sở Nội vụ thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trình khen thưởng; văn bản thông báo nêu rõ căn cứ pháp lý trả lại hồ sơ khen thưởng;

c) Trường hợp đã trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng nhưng không khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, Sở Nội vụ thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

d) Sau khi nhận được Quyết định khen thưởng cấp tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Nội vụ cấp phát hiện vật khen thưởng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trình khen thưởng.

4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị

Căn cứ vào tình hình thực tế cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương quy định chi tiết đối với thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan theo quy định và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”. Hồ sơ đề nghị xét tặng gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen thưởng hoặc biên bản họp xét cụm, khối thi đua;

d) Quyết định công nhận hoặc xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

đ) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 3 của quy định này (nếu có).

2. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị xét tặng gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị xét tặng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen thưởng;

d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 3 của quy định này (nếu có).

Điều 14. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Thủ tục xét tặng

Phòng Văn hoá - Xã hội các xã, phường, bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thẩm định hồ sơ đề nghị Hội đồng thi đua, khen thưởng hợp xét; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn trình Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

2. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

a) Tờ trình của phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen thưởng;

d) Quyết định công nhận hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng ở cơ sở hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng ở cơ sở hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”

a) Tờ trình của phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen, xét tặng Kỷ niệm chương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương

1. Thủ tục đề nghị xét tặng

a) Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ thành tích, lấy ý kiến cơ quan có liên quan, căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng, truy tặng Bằng khen, tặng Kỷ niệm chương.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội các xã, phường, bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thẩm định hồ sơ thành tích; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn trình Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng Giấy khen.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân, hộ gia đình đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen thưởng;
- d) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh, địa phương ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng;
- đ) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 3 của quy định này (nếu có).

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

- a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- b) Danh sách trích ngang có tóm tắt thành tích của các cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương;
- c) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- d) Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác hoặc địa phương; xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú đối với cá nhân thuộc diện hưu trí, nông dân về việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- đ) Giấy tờ hợp lệ có liên quan chứng minh thành tích của cá nhân kèm theo: Bản sao các quyết định có liên quan làm căn cứ xác định thời gian công tác; bản sao các Quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền tương ứng với tiêu chuẩn xét tặng;

e) Đối với cá nhân là người đại diện theo pháp luật, người điều hành của doanh nghiệp, Hợp tác xã: xác nhận của cơ quan thuế (số liệu nộp thuế), cơ quan Bảo hiểm xã hội (thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động) liên tục trong thời gian được giao nhiệm vụ đại diện hoặc điều hành doanh nghiệp tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng Giấy khen

- a) Tờ trình của phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân, hộ gia đình đề nghị xét tặng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản xét khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tập thể người nước ngoài và cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài

- a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân, tập thể do cơ quan trình khen thưởng thực hiện;

c) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật (nếu có).

6. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (khen thưởng đột xuất)

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích đối với khen thưởng thành tích có nội dung tối mật, tuyệt mật để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

c) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất đề nghị khen thưởng, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 93 của Luật số 06/2022/QH15 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật khen thưởng, tiền thưởng đã nhận.

2. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của đơn vị trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Thu hồi hiện vật khen thưởng, tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khen thưởng;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trình khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo đúng quy định. Hiện vật khen thưởng cấp tỉnh gửi về Sở Nội vụ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách Nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

5. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ quyết định khen thưởng cấp tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Bộ phận phụ trách thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tổng hợp trình Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hủy bỏ quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 17. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định và giao cho cơ quan quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện. Cơ quan được giao quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Các cá nhân, tập thể, hộ gia đình được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiền thưởng chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh và hạch toán chi thành mục riêng.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh.

Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền về

công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực; Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh;
- c) Các Ủy viên hội đồng.

3. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh quyết định thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thường trực Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

4. Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số và theo Quy chế làm việc của Hội đồng. Các thành viên của Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Các ý kiến khác nhau của các thành viên Hội đồng về việc đề xuất các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng để xem xét, quyết định.

Hội đồng có con dấu riêng, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu xây dựng Quy chế làm việc, chương trình công tác, quản lý con dấu của Hội đồng theo quy định

b) Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng, tổng hợp tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh; triển khai nhiệm vụ 06 tháng tiếp theo. Họp xét danh hiệu thi đua cấp tỉnh (danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh), khen thưởng cấp Nhà nước. Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt không thể dự họp phải báo cáo với Chủ tịch Hội đồng và được Chủ tịch Hội đồng đồng ý hoặc Ủy quyền cho cấp phó của mình dự họp thay (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản)

c) Hội đồng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh;

d) Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương là quan hệ chỉ đạo, phối hợp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh

a) Thực hiện sự phối hợp giữa cấp Ủy, chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh trong việc tham mưu, đề xuất

chủ trương, chính sách về tổ chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

c) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm và giai đoạn; đề xuất sửa đổi bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở do Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thành lập. Hội đồng có trách nhiệm tham mưu, tư vấn về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương;

b) Hội đồng có không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó của người đứng đầu; các Ủy viên khác là đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc, đại diện tổ chức đoàn thể (nếu có);

c) Chủ tịch Hội đồng quyết định thành phần, số lượng thành viên của Hội đồng cho phù hợp; quy định nhiệm vụ quyền hạn Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thường trực Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng;

d) Bộ phận phụ trách tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương là bộ phận thường trực của Hội đồng.

3. Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Không quá 04 Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội là Phó Chủ tịch Thường trực; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Chủ tịch Liên đoàn lao động cấp xã. Các thành viên khác gồm đại diện lãnh đạo một số phòng, ban, đơn vị, đoàn thể thuộc cấp xã;

c) Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch Hội đồng quyết định số, lượng, thành phần, quy định nhiệm vụ quyền hạn cho các thành viên Hội đồng; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng;

d) Phòng Văn hoá - Xã hội cấp xã là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế do người đứng đầu doanh nghiệp thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện cấp ủy, các đoàn thể của đơn vị và một số đơn vị trực thuộc. Người đứng đầu doanh nghiệp căn cứ tình hình thực tế quyết định thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ quyền hạn của chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng cho phù hợp; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

5. Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số và theo Quy chế hoạt động của Hội đồng. Các thành viên của Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công;

b) Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng, tổng hợp tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng; triển khai nhiệm vụ 06 tháng tiếp theo. Họp xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt không thể dự họp phải báo cáo với Chủ tịch Hội đồng và được Chủ tịch Hội đồng đồng ý hoặc Ủy quyền cho cấp phó của mình dự họp thay (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản);

c) Hội đồng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua của phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

a) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức phát động phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định;

c) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm, giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện công tác thi đua khen thưởng theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng và việc thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương

1. Theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này; ban hành và tổ chức thực hiện quy định về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, phù hợp với quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quy định phù hợp./.